

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện quyết toán ngân sách, nguồn khác
năm 2025 của Trường TH&THCS Phương Đông**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Nghị Quyết 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022; Thông tư 56/2022/TT/BTC hướng dẫn cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương, điều chỉnh phương án phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 18/10/2025 của Hội đồng nhân dân phường Yên Tử khóa I, kỳ họp thứ tư về Phương án điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương, điều chỉnh phương án phân bổ dự toán chi ngân sách phường năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1696/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 11 năm 2025 của UBND Phường Yên Tử Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương, điều chỉnh phương án phân bổ dự toán chi ngân sách phường năm 2025;

Căn cứ quyết định số 274/QĐ-THCSPĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 “Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025” của Trường TH&THCS Phương Đông.

Xét đề nghị của viên chức phụ trách kế toán về việc công khai thực hiện quyết toán ngân sách, nguồn khác năm 2025 theo thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách, nguồn khác năm 2025 của Trường TH&THCS Phương Đông (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Thời gian công khai kể từ ngày 02/02/2026 đến hết ngày 02/05/2026.

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, tổ tài vụ, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV
- Trang web nhà trường
- Lưu


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG TH&THCS PHƯƠNG ĐÔNG
YÊN TỬ
NGUYỄN NGỌC THANH

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai thực hiện quyết toán thu - chi ngân sách, nguồn khác
năm 2025 của Trường TH&THCS Phương Đông**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Nghị Quyết 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022; Thông tư 56/2022/TT/BTC hướng dẫn cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương, điều chỉnh phương án phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 18/10/2025 của Hội đồng nhân dân phường Yên Tử khóa I, kỳ họp thứ tư về Phương án điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương, điều chỉnh phương án phân bổ dự toán chi ngân sách phường năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1696/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 11 năm 2025 của UBND Phường Yên Tử Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương, điều chỉnh phương án phân bổ dự toán chi ngân sách phường năm 2025;

Căn cứ quyết định số 274/QĐ-THCSPĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 “Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025” của Trường TH&THCS Phương Đông.

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-THCSPĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Trường TH&THCS Phương Đông về việc công bố công khai dự toán thu - chi NSNN năm 2025;

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 02/02/2026, tại phòng họp hội đồng của Trường TH&THCS Phương Đông.

1. Thành phần:

- | | |
|---|--------------------------------------|
| - Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 78/79 đ/c; | - Vắng: 01 Đ/C nghỉ thai sản |
| - Chủ trì đ/c: Nguyễn Ngọc Thanh | - Chức vụ: Hiệu trưởng |
| - Đại diện đ/c: Phạm Thị Mai Hương | - Chức vụ: Phó hiệu trưởng khối THCS |
| - Đại diện đ/c: Đinh Thị Minh Toan | - Chức vụ: Phó hiệu trưởng khối TH |
| - Đại diện tài chính đ/c: Phạm Thu Hà | - Chức vụ: Kế toán |
| - Người ghi biên bản đ/c: Lê Thị Kim Ngọc | - Chức vụ: Thư ký |



2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai quyết toán thu - chi ngân sách, nguồn khác năm 2025 của Trường TH&THCS Phương Đông.

(Kèm theo Bản công khai thực hiện công khai quyết toán thu - chi ngân sách, nguồn khác năm 2025 của Trường TH&THCS Phương Đông).

2.2. Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 02/02/2026 đến hết ngày 02/05/2026.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại Bảng thông báo của Trường TH&THCS Phương Đông, phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung thực hiện công khai quyết toán ngân sách, nguồn khác năm 2025 của Trường TH&THCS Phương Đông, đề nghị gửi kiến nghị về Trường (qua đ/c Phạm Thị Mai Hương - Chức vụ: Phó hiệu trưởng, SĐT: 0982.138.152) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định).

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn thực hiện công khai quyết toán thu - chi ngân sách, nguồn khác năm 2025 của Trường TH&THCS Phương Đông từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 17h30 phút ngày 02/02/2026.

Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

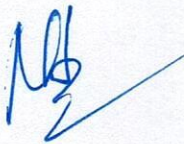
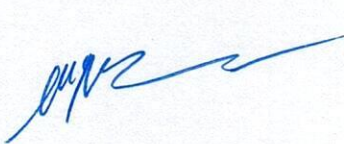
Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại trường và công khai.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Kim Ngọc

Phạm Thị Mai Hương

Phạm Thu Hà

Nguyễn Ngọc Thanh



Đinh Thị Minh Toàn

Đơn vị: Trường TH&THCS Phương Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 822

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Tử, ngày 02 tháng 02 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường TH&THCS Phương Đông công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-			0
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ		-		
2.1	Tiền nước uống				
2.2	Tiền xe đạp				
1	Số chi phí, lệ phí				
2	Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ		-		
2.1	Tiền nước uống				
2.2	Tiền xe đạp				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.408.675.841	6.709.032.215	0,906	
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.408.675.841	6.709.032.215	0,906	
1	Chi quản lý hành chính	1.265.117.400	1.244.717.400	0,984	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.791.997.971	3.791.997.971	1,000	
1.1.1	Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác		3.791.997.971		
	Tiền lương		1.254.617.400		
	Lương theo ngạch, bậc		1.242.617.400		
	Lương hợp đồng theo chế độ		12.000.000		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		0		
	Tiền công khác		0		
	Phụ cấp lương		656.655.138		
	Phụ cấp chức vụ		20.826.000		
	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ		0		
	Phụ cấp ưu đãi nghề		413.659.350		
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		2.340.000		
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		219.829.788		
	Tiền thưởng		0		
	Thưởng thường xuyên		0		
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		0		
	Các khoản hỗ trợ khác		0		
	Phúc lợi tập thể		259.590.000		
	Tiền y tế trong các cơ quan, đơn vị		28.340.000		
	Chi khác		231.250.000		
	Các khoản đóng góp		321.483.738		
	Bảo hiểm xã hội		261.672.810		
	Bảo hiểm y tế		44.858.196		
	Kinh phí công đoàn				
	Bảo hiểm thất nghiệp		14.952.732		
	Các khoản thanh toán cho cá nhân		597.887.000		
	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ		573.200.000		
	Chi khác		24.687.000		
	Thanh toán dịch vụ công cộng		31.934.588		
	Tiền điện		24.292.288		
	Tiền nước		6.442.300		
	Tiền vệ sinh, môi trường		1.200.000		
	Vật tư văn phòng		43.177.347		
	Văn phòng phẩm		16.532.947		
	Mua sắm CCDC VP		596.400		
	Khoản văn phòng phẩm		0		
	Vật tư văn phòng khác		26.048.000		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		3.058.800		
	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax		44.000		



Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng		1.326.000		
	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện		1.688.800		
	Công tác phí		10.500.000		
	Tiền vé máy bay, tàu, xe		2.900.000		
	Phụ cấp công tác phí		1.900.000		
	Tiền thuê phòng ngủ		3.600.000		
	Khoản công tác phí		2.100.000		
	Chi phí thuê mướn		79.360.000		
	Thuê lao động trong nước		79.360.000		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		70.158.960		
	Các thiết bị công nghệ thông tin		5.868.240		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		64.290.720		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		393.232.000		
	Chi mua hàng hóa vật tư		1.875.000		
	Đồng phục, trang phục bảo hộ lao động				
	Chi khác		391.357.000		
	Mua sắm tài sản vô hình		44.750.000		
	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		44.750.000		
	Chi khác		25.593.000		
	Chi các khoản phí và lệ phí		8.856.000		
	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện		8.085.000		
	Chi các khoản khác		8.652.000		
1.1.2	Quản lý nhà nước				
	Tiền lương				
	Lương theo ngạch, bậc				
	Phụ cấp lương				
	Phụ cấp chức vụ				
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề				
	Phụ cấp công vụ				
	Các khoản đóng góp				
	Bảo hiểm xã hội				
	Bảo hiểm y tế				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí công đoàn				
	Thanh toán dịch vụ công cộng				
	Tiền điện				
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện				
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng				
	Các thiết bị công nghệ thông tin				
	Chi khác				
	Chi tiếp khách				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.608.697.870	1.909.274.244	0,732	
1.2.1	Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác		1.909.274.244		
	Tiền lương		174.350.000		
	Lương theo ngạch, bậc		0		
	Lương hợp đồng theo chế độ		174.350.000		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		0		
	Tiền công khác		0		
	Phụ cấp lương		156.612.144		
	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ		156.612.144		
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		0		
	Phụ cấp khác				
	Các khoản đóng góp		28.380.000		
	Bảo hiểm xã hội		23.100.000		
	Bảo hiểm y tế		3.960.000		
	Kinh phí công đoàn				
	Bảo hiểm thất nghiệp		1.320.000		
	Chi phí thuê mướn		0		
	Thuê lao động trong nước		0		
	Mua sắm TS vô hình		0		
	Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		0		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		1.064.981.100		
	Chi mua hàng hóa, vật tư		1.064.981.100		
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		14.100.000		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Học bổng học sinh, sinh viên học trong nước (không bao gồm học sinh dân tộc nội trú)		0		
	Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí		2.700.000		
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		11.400.000		
	Chi khác		470.851.000		
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ		445.200.000		
	Các khoản chi khác		25.651.000		
1.1.2	Quản lý nhà nước				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm		1.007.760.000		
	Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác				
	Tiền thưởng	757.980.000	757.980.000		
	khen thưởng theo ND 73	757.980.000	757.980.000		
	Chi phí thuê mướn				
	Thuê lao động trong nước				
	Mua sắm TS vô hình				
	Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin				
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		0		
	Chi khác				
	Chi khác				
	Chi các khoản khác hoạt động chuyên môn				
	Kinh phí không tự chủ cấp bù Học phí	250.000.000	249.780.000		
	Chi khác	250.000.000	249.780.000		
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế		249.780.000		

Người lập biểu



Phạm Thu Hà

Ngày 06 tháng 02 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Ngọc Thanh